

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST  
Ngày: 27 - 02 - 2024  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải An

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Trần Thị Đôi – Cán bộ hưu trí thị trấn Hậu Nghĩa
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 122/2023/TLST - LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST - LĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988. (xin vắng mặt) – Hợp đồng ủy quyền ngày 09/10/2023

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH S1. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông YU LI HUA.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Giáp Thị Cẩm G, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

2/ Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An.

Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L - Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N do ông Võ Hoài P đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Từ tháng 05/2008 đến tháng 04/2022, bà N là công nhân tại công ty TNHH S2. Khi làm việc tại công ty TNHH S2, bà có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 8008017620.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Giáp Thị Cẩm G chưa đủ tuổi lao động có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà N cho bà Giáp Thị Cẩm G mượn Chứng minh nhân dân để bà Giáp Thị Cẩm G đi làm tại công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian tháng 12/2009 đến tháng 3/2011. Khi bà Giáp Thị Cẩm G mang tên bà là Huỳnh Thị N làm việc tại công ty TNHH S1 thì bà Giáp Thị Cẩm G cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên bà Huỳnh Thị N là: 8009040042.

Việc bà N cho bà Giáp Thị Cẩm G mượn Chứng minh nhân dân để bà G ký và thực hiện hợp đồng lao động với công ty TNHH S1 với tên Huỳnh Thị N là không đúng quy định pháp luật. Hiện nay tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 8008017620 và 8009040042 cùng mang tên Huỳnh Thị N nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Huỳnh Thị N (do bà Giáp Thị Cẩm G làm việc) với công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011, điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009040042 từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011 mang tên Huỳnh Thị N thành Giáp Thị Cẩm G.

*Bị đơn Công ty TNHH S1 không có ý kiến, văn bản phản hồi liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị Cẩm G có văn bản trình bày:* Vào năm 2009-2011, do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Huỳnh Thị N để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011 và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8009040042 (sổ này chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp). Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Huỳnh Thị N (do bà Giáp Thị Cẩm G làm việc) với công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến

tháng 3/2011 do không đúng nhân thân. Bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHYTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 có tham gia bảo hiểm cho bà Huỳnh Thị N từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011 với số sổ bảo hiểm 8009040042; qua tra cứu, đến ngày 07/12/2023, bà Huỳnh Thị N đã hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị N (do Giáp Thị Cẩm G thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011; điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số 8009040042 thành Giáp Thị Cẩm G. Bởi vì thực tế bà Huỳnh Thị Như k phải là người lao động mà bà Giáp Thị Cẩm G mới là người lao động tại Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Huỳnh Thị N người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Giáp Thị Cẩm G và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện Công ty S1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động bị vô hiệu là còn trong thời hiệu khởi kiện. Bà Huỳnh Thị N có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng : Chứng cứ bà Huỳnh Thị N có nộp sổ BHXH số 8008017620 và công văn số 1537/GXN-BHXH ngày 05/7/2023 của BHXH tỉnh L; Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp số 19120 ngày 06/7/2022.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, bà Huỳnh Thị N có cho bà Giáp Thị Cẩm G mượn chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị N để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011 tại Công ty TNHH S1 theo sổ BHXH số 8009040042. Trong khi đó bà Huỳnh Thị N cũng tham gia lao động tại công ty TNHH S2 từ tháng 05/2008 đến tháng 4/2022, bà Huỳnh Thị N cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ là 8008017620. Việc bà Huỳnh Thị N cho bà Giáp Thị Cẩm G mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH S1 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Do đó, bà Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị N (do Giáp Thị Cẩm G thực hiện) tại Công ty TNHH S1 từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011 là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động. Bởi vì người lao động thực sự trong giai đoạn này tại Công ty TNHH S1 là bà Giáp Thị Cẩm G không phải là bà Huỳnh Thị N. Đồng thời, để bảo đảm quyền lợi cho đúng người lao động đã tham gia hợp đồng lao động bị vô hiệu nêu trên, cần điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 8009040042 từ bà Huỳnh Thị N thành bà bà Giáp Thị Cẩm G là có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên HĐXX ghi nhận

[4]. Bà Giáp Thị Cẩm G, Công ty TNHH S1, BHXH tỉnh L không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu án phí lao

động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH S1 nên Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” với Công ty TNHH S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị N với Công ty S1 từ tháng 12/2009 đến 3/2011;

1.2. Điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 8009040042 mang tên Huỳnh Thị N thành Giáp Thị Cẩm G.

1.3. Bà Huỳnh Thị N và bà Giáp Thị Cẩm G được quyền liên hệ cơ quan BHXH tỉnh L để điều chỉnh cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

